

PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT ĐIỀU Ở TỈNH BÌNH PHƯỚC: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

Nguyễn Trường Vũ, Nguyễn Thị Minh Hiền*

Khoa Kinh tế và Phát triển nông thôn, Học viện Nông nghiệp Việt Nam

*Tác giả liên hệ: nguyenminhhien@vnua.edu.vn

Ngày nhận bài: 06.08.2019

Ngày chấp nhận đăng: 04.10.2019

TÓM TẮT

Bình Phước được biết đến như thủ phủ sản xuất và chế biến điều của Việt Nam, cây điều đóng góp một phần quan trọng trong phát triển kinh tế của tỉnh cũng như của các hộ nông dân sản xuất. Tuy vậy, với sự bấp bênh về giá cả, ảnh hưởng của sâu bệnh cũng như sự cạnh tranh của các cây trồng khác như hồ tiêu, cao su đang ảnh hưởng đến sự phát triển sản xuất điều của tỉnh Bình Phước. Mục tiêu của nghiên cứu nhằm đánh giá thực trạng phát triển sản xuất điều ở tỉnh Bình Phước, và đề xuất một số định hướng chính sách. Nghiên cứu này dựa trên số liệu thứ cấp và số liệu điều tra 420 hộ sản xuất, kết hợp với phỏng vấn chuyên sâu cán bộ, chuyên gia kỹ thuật trên địa bàn tỉnh Bình Phước. Kết quả nghiên cứu cho thấy các hộ sản xuất điều với quy mô bình quân khoảng 7,2 ha, mang lại thu nhập bình quân gần 50 triệu đồng/ha. Tuy vậy, sự liên kết trong sản xuất hầu như chưa có, điều kiện cơ sở hạ tầng chưa đồng bộ, sâu bệnh phá hoại ảnh hưởng lớn đến sản xuất điều. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất một số giải pháp nhằm đẩy mạnh phát triển sản xuất điều một cách bền vững, khai thác tiềm năng lợi thế trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Từ khóa: Chi phí lợi ích, sản xuất điều, Bình Phước.

Development of Cashew Production in Binh Phuoc Province: Current Status and Solutions

ABSTRACT

Binh Phuoc is known as the capital of cashew production and processing in Vietnam, which contributes significantly to the economic development of the province as well as to the farmers. However, the uncertainty about prices, pests and the competition with other crops such as black pepper and rubber affect the cashew production development of Binh Phuoc province. The objective of the study was to assess the current status of cashew production development in Binh Phuoc province, analyze the influencing factors and propose some policy orientations. The study was based on secondary data and survey data of 420 households, combined with in-depth interviews with technical staff and experts in Binh Phuoc province. Research results show that cashew production households with an average scale of 7.2 ha attained an average income of nearly 50 million VND/ha. However, the linkage in production was not yet available, the conditions of infrastructure were not synchronized, pests and diseases significantly affected the cashew production. The study proposes a number of solutions to promote the development of production in a sustainable way, exploiting the potential advantages in Binh Phuoc province.

Keywords: Cost benefit analysis, cashew production, Binh Phuoc.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Cây điều du nhập vào Việt Nam từ thế kỷ XVIII, tuy nhiên đến những thập niên cuối của thế kỷ XX cây điều mới chính thức nằm trong danh mục các loại cây trồng (Nguyễn Mạnh Chính & Nguyễn Đăng Nghĩa, 2007). Từ đó đến

nay, cùng với sự gia tăng về diện tích, điều trở thành cây công nghiệp cho giá trị cao, vừa là cây phủ xanh đất vừa là cây xóa đói giảm nghèo. Theo báo cáo của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, năm 2013 cả nước có 310.000 ha điều, trong đó diện tích điều trồng tập trung khoảng 60,8%, phân tán 39,2%, năng

suất bình quân đạt 9,1 tạ/ha, sản lượng 285.000 tấn hạt, kim ngạch xuất khẩu đạt 1,654 tỷ USD (hạt điều, dầu vỏ hạt điều và các sản phẩm chế biến từ điều) đến 95 quốc gia và vùng lãnh thổ. (Nguyễn Văn Hòa, Nguyễn Như Hiền, 2014).

Tỉnh Bình Phước được mệnh danh là “thủ phủ” của cây điều. Cây điều không chỉ làm đổi đời cho nhiều hộ gia đình, mà còn là động lực góp phần thúc đẩy nhanh tốc công nghiệp hóa - hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn trên địa bàn. Ở Bình Phước, cây điều chỉ đứng thứ hai sau cây cao su về diện tích (UBND tỉnh Bình Phước, 2009). Theo thống kê của Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn tỉnh Bình Phước, hiện nay trên địa bàn tỉnh có 134.538 ha điều, năng suất 14,71 tạ/ha; sản lượng trung bình hàng năm đạt khoảng 191.735 tấn. Cây điều rất dễ thích nghi và sinh trưởng tốt ngay cả trên vùng đất nghèo dinh dưỡng, giữ nước kém, độ dốc cao; tỷ lệ che phủ của cây điều đã đóng góp gần 20% trong khoảng 60% tỷ lệ che phủ chung của toàn tỉnh. Hiện nay, hạt điều là một trong những mặt hàng nông sản xuất khẩu giữ vai trò chủ lực, đóng góp không nhỏ vào kim ngạch xuất khẩu của tỉnh (Thanh Thảo, 2015). Về đóng góp trong cơ cấu kinh tế, kim ngạch xuất khẩu nhân hạt điều năm 2017 của tỉnh đạt hơn 500 triệu USD, chiếm 1/3 tổng kim ngạch xuất khẩu của tỉnh và góp gần 25% trong tổng GDP của ngành nông nghiệp.

Tuy nhiên, thu nhập của người nông dân trồng điều trong thời gian qua vẫn còn thấp và không ổn định. Một số hộ dân đã đốn bỏ điều để chuyển đổi sang trồng cây cao su có giá trị kinh tế cao hơn. Các hộ nông dân sản xuất điều còn thiếu vốn, việc áp dụng tiến bộ kỹ thuật chưa đồng bộ, sự liên kết trong sản xuất và tiêu thụ chưa rõ ràng, hiệu quả chưa cao. Do đó, ảnh hưởng rất lớn đến vùng nguyên liệu cho chế biến điều của tỉnh Bình Phước cũng như quy hoạch phát triển ngành điều.

Nghiên cứu này nhằm đánh giá thực trạng phát triển sản xuất cây điều tại tỉnh Bình Phước, đề ra các giải pháp thích hợp nhằm phát triển bền vững cây điều trong bối cảnh hiện nay và thời gian tới.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Chọn điểm, mẫu nghiên cứu

Nghiên cứu tiến hành điều tra khảo sát trên địa bàn 4 huyện có diện tích trồng điều lớn và có tiềm năng phát triển bao gồm Bù Gia Mập (20,5 nghìn hecta), Phú Riềng (20,6 nghìn hecta), Đồng Phú (14,4 nghìn hecta) và Bù Đăng (58,9 nghìn hecta). Phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên có hệ thống (*Systematic random sampling*) (Church, 1984) đã được sử dụng cho việc xác định hộ để thu thập thông tin. Theo phương pháp này, số mẫu được phân bổ cho mỗi xã tùy thuộc vào diện tích trồng điều và hồ tiêu; tại mỗi xã, lập danh sách hộ theo quy mô sản xuất và từ số mẫu cần điều tra đối với mỗi nhóm, tính khoảng cách mẫu để xác định hộ cần điều tra thu thập thông tin.

Nghiên cứu điều tra 360 hộ sản xuất điều trên địa bàn 4 huyện với số lượng quan sát cụ thể gồm huyện Bù Gia Mập (65 hộ), huyện Phú Riềng (65 hộ), Đồng Phú (45 hộ), Bù Đăng (185 hộ) và 60 hộ tham gia tổ hợp tác, hợp tác xã tại 4 huyện trên. Nội dung khảo sát thu thập thông tin liên quan đến đầu vào và đầu ra của quá trình sản xuất, những khó khăn, trở ngại và thu nhập từ sản xuất điều. Phỏng vấn sâu được thực hiện với một số cán bộ sở nông nghiệp, hiệp hội sản xuất điều, cán bộ huyện, xã phụ trách nông nghiệp về thuận lợi, khó khăn trong sản xuất và cơ hội phát triển sản xuất điều tại địa phương.

2.2. Phương pháp phân tích

Phương pháp phân tích số liệu bao gồm thống kê mô tả và thống kê so sánh các số bình quân. Phương pháp kiểm định trung bình với phương sai không đồng nhất được sử dụng để kiểm định một số giá trị bình quân giữa các quy mô sản xuất, hình thức sản xuất. Phương pháp hạch toán chi phí sản xuất cũng được sử dụng trong phân tích kinh tế của hoạt động sản xuất điều của hộ.

Phương pháp phân tích chi phí - lợi ích với chỉ tiêu giá trị hiện tại thuần NPV và hệ số nội hoàn vốn để phân tích về hiệu quả trong sản xuất điều với giả định giá đầu vào, đầu ra, công

nghệ không thay đổi với chu kỳ sản xuất điều trong 33 năm.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Thực trạng phát triển sản xuất điều tại tỉnh Bình Phước

3.1.1. Thực trạng biến động về quy mô, diện tích và sản lượng điều

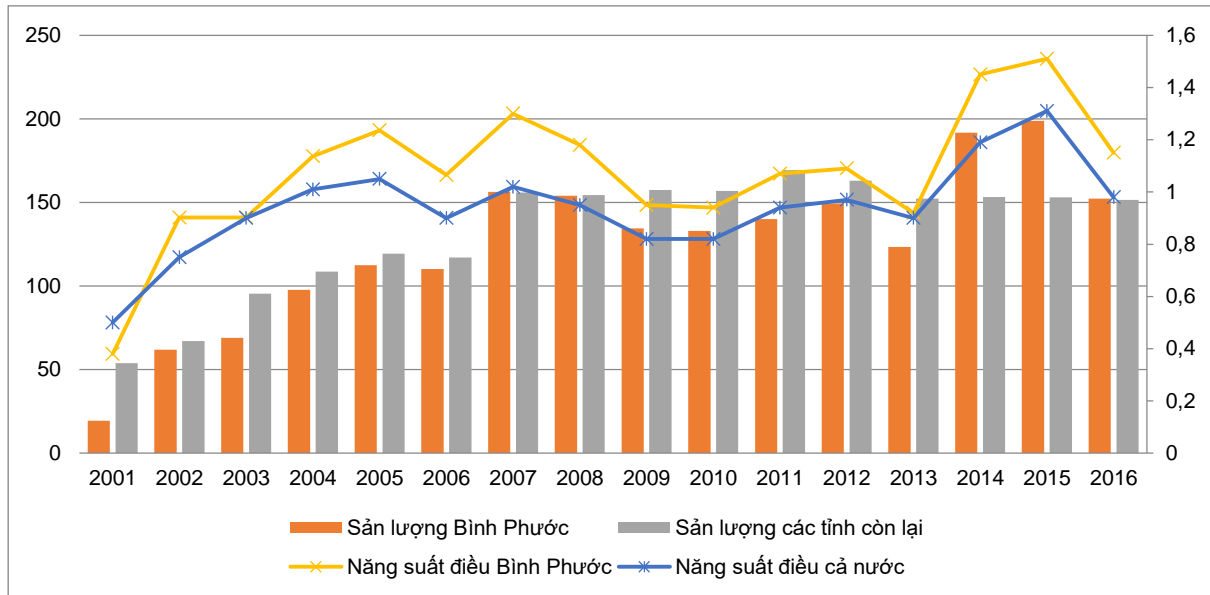
Cây điều là cây công nghiệp dài ngày có quy mô diện tích lớn ở Việt Nam. Theo số liệu thống kê của Tổng cục Thống kê, kê diện tích điều của cả nước phát triển mạnh trong giai đoạn 2001-2007. Trong giai đoạn này, diện tích phát triển từ 200.000 ha lên đến 400.000 ha. Trong giai đoạn từ 2007-2016 diện tích điều có xu hướng giảm mỗi năm khoảng 10%. Các năm gần đây, diện tích ổn định ở mức gần 300.000 ha. Nhìn chung, có nhiều nguyên nhân đưa đến diện tích

điều giảm mạnh thời gian qua, trước tiên là do hiệu quả kinh tế của cây điều không thể cạnh tranh được với cao su, hồ tiêu, cà phê..., nhất là trên những chân đất tốt, nên nông dân đã chặt bỏ điều để chuyển sang trồng những cây có hiệu quả kinh tế cao hơn. Diện tích chưa cho thu hoạch thể hiện một phần của diện tích trồng mới, xu hướng phát triển diện tích của điều trong giai đoạn 2001-2007 và giảm dần diện tích trồng mới trong các năm gần đây. Diện tích điều của Bình Phước có sự tăng trưởng đều năm 2001 mới đạt 70.000 ha, đến năm 2011 đạt gần 155.000 ha, chiếm gần 50% diện tích điều của cả nước. Sau năm 2011, diện tích điều tại Bình Phước có xu hướng giảm, tuy nhiên quy mô giảm không nhiều khoảng 15.000 ha, đến giai đoạn 2013-2016 diện tích giữ ổn định ở mức 134.000-135.000 ha, chiếm gần 50% diện tích trồng điều của cả nước.

Bảng 1. Biến động diện tích điều của cả nước và của tỉnh Bình Phước giai đoạn 2001-2016

Năm	Cả nước					Bình Phước					
	Diện tích thu hoạch (1.000 ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích chưa thu hoạch (1.000 ha)	Tỷ lệ (%)	Tổng diện tích (1.000 ha)	Diện tích thu hoạch (1000 ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích chưa thu hoạch (1.000 ha)	Tỷ lệ (%)	Tổng diện tích (1000 ha)	Tỷ lệ so với cả nước (%)
2001	149,7	75,2	49,5	24,8	199,2	50,8	72,7	19,1	27,3	69,9	35,1
2002	173,4	72,1	67	27,9	240,4	68,6	71,8	27	28,2	95,6	39,8
2003	184,2	70,4	77,3	29,6	261,5	76,4	76,8	23,1	23,2	99,5	38,0
2004	203,4	72,1	78,8	27,9	282,2	86,3	80,0	21,6	20,0	107,9	38,2
2005	219,6	66,9	108,6	33,1	328,2	93,1	80,3	22,9	19,7	116	35,3
2006	258,9	67,8	122,9	32,2	381,8	103,3	85,4	17,7	14,6	121	31,7
2007	302,8	68,8	137,1	31,2	439,9	122	71,3	49,1	28,7	171,1	38,9
2008	321,1	79,0	85,6	21,0	406,7	131,9	83,7	25,6	16,3	157,5	38,7
2009	340,5	87,0	50,7	13,0	391,2	143,5	91,9	12,6	8,1	156,1	39,9
2010	340,3	91,3	32,3	8,7	372,6	144,4	92,7	11,3	7,3	155,7	41,8
2011	333,1	91,5	30,9	8,5	364	144,4	92,7	11,3	7,3	155,7	42,8
2012	320,7	95,7	14,5	4,3	335,2	140,1	99,7	0,4	0,3	140,5	41,9
2013	300,9	97,7	7,2	2,3	308,1	134,9	99,7	0,4	0,3	135,3	43,9
2014	290,8	97,5	7,6	2,5	298,4	134,1	98,5	2,1	1,5	136,2	45,6
2015	284,1	97,3	7,8	2,7	291,9	131,5	98,1	2,5	1,9	134	45,9
2016	285,8	97,5	7,2	2,5	293	132,6	98,8	1,6	1,2	134,2	45,8

Nguồn: Tổng cục Thống kê, 2017; Cục Thống kê Bình Phước, 2017.



Đồ thị 1. Diễn biến năng suất, sản lượng điều của cả nước và tỉnh Bình Phước giai đoạn 2001-2016

Năng suất điều trên phạm vi cả nước có sự biến động tuy nhiên xu hướng chung năng suất điều qua các năm tăng gấp đôi sau 15 năm. Năm 2001 năng suất điều cả nước đạt 0,5 tấn/ha tăng lên gần 1 tấn/ha năm 2016 (Đồ thị 1). Tuy nhiên, có những năm thời tiết thuận lợi, cùng với áp dụng chế độ chăm sóc tốt, năng suất điều đã đạt 1,2-1,3 tấn/ha trong giai đoạn 2014-2015. Năng suất điều ở hai vùng trồng điều chính cũng cho thấy không có sự khác biệt nhiều, năng suất trung bình ở Đông Nam Bộ có cao hơn một chút so với năng suất điều ở Tây Nguyên và năng suất bình quân chung cả nước.

Với xuất phát năm 2001, năng suất điều của Bình Phước chỉ đạt 0,38 tấn/ha, thấp hơn năng suất chung của cả nước. Song với việc áp dụng các tiến bộ kĩ thuật cũng như sự đầu tư hơn của nông dân, từ năm 2002 đến nay, năng suất điều của Bình Phước luôn cao hơn từ 10-30% (Đồ thị 1). Năng suất điều của Bình Phước cao nhất nước, có những năm năng suất bình quân chung đã đạt 1,51 tấn/ha (năm 2015).

Tuy nhiên, phần lớn diện tích trồng điều có điều kiện chưa được thuận lợi như độ màu mỡ của đất kém, khả năng tưới tiêu còn hạn chế. Bên cạnh đó, nhiều diện tích điều ở vùng sâu vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số với khả

năng đầu tư thâm canh về phân bón còn hạn chế, nên việc áp dụng những TBKT trong sản xuất thời gian qua còn chưa cao và cũng chưa phù hợp. Đặc biệt những khuyến cáo về giống chưa gắn liền với điều kiện sản xuất cụ thể, đã đưa đến hiệu quả sản xuất thấp, khả năng nhân rộng hạn chế, chưa có tác dụng thúc đẩy phát triển sản xuất. Những tác động của biến đổi khí hậu (như nắng nóng và hạn hán kéo dài, mùa mưa kết thúc sớm hoặc kéo dài, mưa lớn kết hợp với lốc xoáy, những trận mưa trái mùa, ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc và sương muối) và tình hình phát sinh sâu bệnh hại cũng tác động và góp phần làm hạn chế năng suất điều trong thời gian qua.

Với sự gia tăng về năng suất và diện tích điều kéo theo sản lượng điều của cả nước tăng trưởng mạnh mẽ. Năm 2001 sản lượng điều của cả nước đạt khoảng trên 72 nghìn tấn đến nay sản lượng điều của cả nước đạt mức trên 300.000 tấn, sau 15 năm sản lượng đã tăng gần 430% (Đồ thị 1). Sản lượng điều của cả nước đạt cao nhất năm 2015 với 350 nghìn tấn. Bình Phước là tỉnh có diện tích điều lớn nhất nên cũng có sản lượng điều lớn nhất nước, sản lượng điều của tỉnh đạt 124.040 tấn (năm 2013) (chiếm khoảng 45,00% sản lượng điều cả nước).

Trong giai đoạn 2001-2013, sản lượng điều ở Bình Phước cũng theo hướng tăng dần từ năm 2001 và đạt mức cao nhất là 156.400 tấn (năm 2007) và sau đó theo hướng giảm dần, đạt 124.040 tấn (năm 2013). Song do năng suất năm 2014 tăng đột biến nên sản lượng đạt mức kỷ lục (191.700 tấn) trong hơn thập niên qua và vượt 35.300 tấn so với mức cao nhất năm 2007 đã đạt được (Đồ thị 1).

3.1.2. Các hình thức tổ chức trong sản xuất điều

Hiện tại, đa số các chủ vườn điều đều là người Kinh, nhóm các hộ đồng bào dân tộc thiểu số chỉ chiếm khoảng 20,95% số hộ. Tuổi bình quân của chủ hộ tương đối cao, khoảng gần 49 tuổi. Số năm kinh nghiệm trồng điều bình quân của các hộ là 19,55 năm, đa số đều là các hộ trồng lâu năm, chỉ có một số ít các hộ mới mua lại vườn điều hoặc chuyển từ trồng cây khác sang cây điều. Hàng năm, Sở Nông nghiệp và PTNT Bình Phước, các Phòng Nông nghiệp, hiệp hội điều đều kết hợp tổ chức các lớp tập huấn về sản xuất điều, tỷ lệ các hộ tham gia tập huấn tương đối cao với trên 50%.

Diện tích bình quân của các hộ đạt 7,2 ha, không phải là con số lớn, nhưng trong bối cảnh cây điều phải cạnh tranh diện tích với cây hồ tiêu và cây cao su đã chứng tỏ được chỗ đứng riêng trong sản xuất nông nghiệp của các hộ nông dân tại Bình Phước.

Các vườn điều tại Bình Phước hiện tại chủ yếu là các vườn điều lâu năm, chủ yếu được trồng từ những thập niên 80, 90 của thế kỷ trước. Do đó, tỷ lệ trồng bằng điều hạt chiếm gần 95%. Tỷ lệ trồng điều ghép chỉ chiếm hơn 5% đây là những giống điều mới có năng suất cao, được các hộ trồng mới hoặc thay thế cây cũ.

Các hình thức tổ chức sản xuất điều của Bình Phước chủ yếu là sản xuất nông hộ. Vì vậy, để thúc đẩy phát triển sản xuất điều bền vững, tỉnh Bình Phước đã khuyến khích phát triển các hình thức hợp tác xã và tổ hợp tác trong sản xuất điều. Ngay sau khi đề án ra đời, cuối tháng 8 năm 2016, Liên hiệp Hợp tác xã Điều Bình Phước ra đời với gần 480 thành viên đến từ các hợp tác xã: Đồng Nai, Thành Phát (huyện Bù Đăng), Bù

Gia Mập (huyện Bù Gia Mập) và Phước Hưng (thị xã Đồng Xoài). Mô hình liên hiệp hợp tác xã đầu tiên này của Bình Phước hướng đến mô hình trồng điều công nghệ cao, cho ra sản phẩm điều sạch, đạt chứng nhận nhãn hiệu thương mại công bằng quốc tế. Thông qua các mô hình tổ hợp tác và hợp tác xã tỉnh Bình Phước đã hỗ trợ 100% kinh phí đầu tư hệ thống tưới nhỏ giọt (10 triệu đồng/ha) đối với các hộ đồng bào dân tộc thiểu số (là thành viên các hợp tác xã) trồng điều xen canh cây ca cao; các hộ không phải đồng bào dân tộc thiểu số được hỗ trợ 50% kinh phí... Bên cạnh đó, tỉnh quan tâm tạo cơ chế, chính sách khuyến khích, thu hút các doanh nghiệp lớn của tỉnh làm đầu mối liên kết các doanh nghiệp nhỏ và vừa để hình thành đầu mối trực tiếp xuất khẩu và nhập khẩu điều. Đồng thời, có chính sách hấp dẫn để kêu gọi, thu hút thêm nhiều nguồn lực (doanh nghiệp, nhà khoa học...) cho việc đầu tư nghiên cứu chuỗi giá trị cây điều, nhất là trái điều (hiện nay chưa được tận dụng, gây lãng phí). Ngoài ra, tỉnh khuyến khích nông dân liên kết để hình thành các tổ hợp tác, hợp tác xã trồng điều với năng suất và chất lượng cao, tạo ra hạt điều an toàn và đạt chuẩn quốc tế, từ đó giúp nâng cao giá trị sản phẩm. Việc liên kết sản xuất sẽ tạo điều kiện thuận lợi hơn cho việc chuyển giao giống mới, áp dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, đầu tư thâm canh, tiêu thụ sản phẩm và thúc đẩy giá trị gia tăng cho chuỗi giá trị cây điều.

Với hình thức tổ chức sản xuất như tổ hợp tác và hợp tác xã, đây là hình thức sản xuất không mới tuy nhiên trong sản xuất điều, hình thức sản xuất này đã có điều chỉnh để phù hợp. Các hộ tham gia hình thức tổ chức sản xuất này đang hướng đến sản xuất điều sạch, điều hữu cơ có giá trị kinh tế cao hơn. Một số tổ hợp tác đã sử dụng các giống điều ghép có năng suất cao ở các cơ sở sản xuất giống có uy tín nên đã đảm bảo được chất lượng.

3.1.3. Thực trạng áp dụng tiến bộ kỹ thuật sản xuất điều

Nhìn chung, một số biện pháp kỹ thuật được áp dụng trong sản xuất điều đã bắt đầu từ rất sớm (trong thập niên 80 của thế kỷ trước), nhưng tại thời điểm đó, tỷ lệ áp dụng không đáng kể. Sang thập niên 90, việc áp dụng kỹ

thuật trong sản xuất điều có tăng hơn, với tỷ lệ hộ áp dụng biến động từ 8,57% đến 30,49%. Từ năm 2000 đến nay, việc áp dụng kỹ thuật trong sản xuất điều gia tăng cả về số hộ và tỷ lệ hộ áp dụng. Trong số các biện pháp kỹ thuật được áp dụng trong sản xuất thì kỹ thuật cắt tỉa cành sau thu hoạch, xử lý ra hoa đậu trái, bón phân vô cơ (hóa học) cho điều đã được áp dụng khá phổ biến trong vùng với 70,92-90,07% số hộ áp dụng, theo sau là các biện pháp như sử dụng phân chuồng (31,91%), vệ sinh đồng ruộng (VSDR) (29,08%), tưới cho điều (23,76%), bón phân vi sinh (12,41%) và sử dụng giống mới (chỉ có 2,48%). Việc đầu tư áp dụng kỹ thuật trong sản xuất điều có thể thấy, bên cạnh việc đầu tư thâm canh, một số hộ gia đình còn hướng tới phát triển bền vững thông qua việc sử dụng nguồn phân chuồng ở địa phương và phân vi sinh để bón cho vườn điều. Theo hướng này sẽ góp phần tích cực đối với việc cải tạo môi trường đất trồng điều, nhất là trên các loại đất xấu, cằn cỗi, không thuận lợi cho cây điều sinh trưởng phát triển. Song tình hình áp dụng các biện pháp kỹ thuật trong sản xuất điều vẫn chưa thực hiện một cách đồng bộ, mà chỉ tập trung vào một số biện pháp kỹ thuật như bón phân, cắt tỉa cành tạo tán, xử lý ra hoa đậu trái, phòng trị sâu bệnh hại, vẫn còn tỷ lệ đáng kể từ 10-30% số hộ chưa áp dụng các biện pháp kỹ thuật này. Bên cạnh đó, tỷ lệ hộ áp dụng tưới nước cho điều còn rất hạn chế, điều này có thể do khó khăn về nguồn nước tưới. Do vậy, nếu khắc phục được những hạn chế trong việc áp dụng kỹ thuật trong sản xuất điều thì sẽ cải

thiện đáng kể năng suất và hiệu quả sản xuất điều hiện nay.

3.1.4. Kết quả và hiệu quả kinh tế trong sản xuất điều

a. Hiệu quả kinh tế

Sản xuất điều là hoạt động mang lại thu nhập lớn cho các hộ nông dân tỉnh Bình Phước, trong vụ sản xuất điều năm 2017, mặc dù chịu nhiều thiệt hại do sâu bệnh, tuy nhiên doanh thu đạt gần 62 triệu đồng/ha và thu nhập khoảng 48 triệu đồng/ha. Có sự khác biệt giữa hiệu quả kinh tế giữa các hộ quy mô lớn, quy mô vừa, quy mô nhỏ. Ngoài ra cũng có sự khác biệt sản xuất theo hình thức tổ hợp tác, hợp tác xã và các hộ nông dân sản xuất cá thể. Do các hộ quy mô lớn, các hộ sản xuất theo hình thức hợp tác xã quan tâm hơn đến các kỹ thuật chăm sóc và phòng trừ sâu bệnh, cùng với đó là mức đầu tư phân bón lớn hơn do đó thiệt hại do sâu bệnh thấp hơn dẫn đến năng suất điều cao hơn so với các nhóm hộ còn lại.

Sử dụng công cụ phân tích lợi ích chi phí (CBA) cho sản xuất điều với chu kỳ vòng đời bình quân là 33 năm NPV = 122 triệu đồng/ha và IRR = 18%. Điều này cho thấy đầu tư vào sản xuất điều trên địa bàn tỉnh Bình Phước có tính khả thi về mặt kinh tế.

b. Hiệu quả xã hội

Phát triển sản xuất điều góp phần tăng thu nhập cho người lao động, giải quyết việc làm, nhất là lao động nhàn rỗi trong nông thôn, hạn chế được tính thời vụ trong nông nghiệp.

Bảng 2. Thông tin chung về hộ trồng điều

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số lượng	Cơ cấu (%)
Diện tích bình quân hộ	ha	7,2	
Tuổi bình quân	năm	48,89	
Dân tộc			
Kinh	người	332	79,05
Dân tộc thiểu số	người	88	20,95
Số năm kinh nghiệm trồng điều	năm	19,55	
Số hộ tham gia hội thảo khuyến nông	số hộ	235	55,95

Bảng 3. Nguồn gốc giống điều của các hộ sản xuất

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Theo quy mô			Theo hình thức tổ chức sản xuất		Tính chung
		Quy mô lớn	Quy mô vừa	Quy mô nhỏ	Hộ nông dân	Tổ hợp tác, HTX	
Số quan sát	số hộ	40	150	230	360	60	420
Tỷ lệ hộ trồng điều hạt	%	100	96	92,17	95	90	94,29
Tỷ lệ hộ trồng điều ghép	%	0	4	7,83	5	10	5,71
Nguồn gốc giống							
Tự nhân giống	%	100	82,67	71,3	77,78	80,00	78,09
Mua của hàng xóm	%	0	11,33	18,26	14,72	10	14,05
Cơ sở tư nhân	%	0	6	9,14	6,95	8,33	7,15
Trung tâm giống	%	0	0	1,3	0,55	1,67	0,71

Bảng 4. Một số chỉ tiêu thể hiện hiệu quả kinh tế sản xuất điều của các hộ theo quy mô năm 2017

Chỉ tiêu	ĐVT	Quy mô lớn (I)	Quy mô vừa (J)	Quy mô nhỏ (K)	Bình quân chung	So sánh		
						I-J	I-K	J-K
Năng suất	kg/ha	2.200	1.810	1.650	1.821,19	390**	550***	160ns
Doanh thu	1.000 đ/ha	74.800	61.540	56.100	61.920,48	13.260**	18.700***	5440ns
Tổng chi phí sản xuất	đ/ha	19.514	13.600	11.450	13.894,67	5.914**	8.064***	2150ns
MI	đ/ha	55.286	47.940	44.650	48.025,81	7.346**	10.636***	3.290ns
NPV	1000đ				12.2921,2			
IRR					18			

Ghi chú: ***, **, *, ns: Chênh lệch giá trị trung bình có ý nghĩa thống kê tương ứng 1%, 5%, 10% và không có ý nghĩa thống kê; MI: Thu nhập hỗn hợp; NPV: Giá trị hiện tại thuần; IRR: Tỷ suất nội hoàn vốn.

Bảng 5. Một số chỉ tiêu thể hiện hiệu quả kinh tế sản xuất điều của các hộ theo hình thức tổ chức sản xuất năm 2017

Chỉ tiêu	ĐVT	Hợp tác xã/Tổ hợp tác	Hộ cá thể
Năng suất	kg/ha	2.300	1.742
Doanh thu	1.000 đ/ha	78.200	55.300
Tổng chi phí sản xuất	đ/ha	19.694	12.875
MI	đ/ha	58.506	42.425

Giải quyết việc làm cho người lao động: toàn tỉnh có 77.600 hộ sản xuất điều, nếu tính bình quân mỗi hộ dành cho sản xuất điều bằng 0,5 lao động thì ngành sản xuất điều đã tạo ra công ăn việc làm thường xuyên ổn định cho khoảng trên 38 nghìn lao động, ngoài ra còn hàng nghìn hộ khác tham gia ở các khâu thu gom, buôn bán, chế biến,... Điều này đã góp phần rất lớn vào vấn đề tạo ra công ăn việc làm cho người

dân khu vực nông thôn, đặc biệt là có thể dễ dàng sử dụng lao động phụ, lao động chưa qua đào tạo.

Tăng thu nhập cho người sản xuất điều: ta thấy thu nhập bình quân hộ đạt trên 100 triệu đồng đối với hộ có 2 ha. Với hộ trung bình có 4 lao động thu nhập bình quân 1 năm sẽ đạt trên 25 triệu đồng/năm. Đối với các hộ có quy mô lớn thì thu nhập sẽ cao hơn, bình quân hộ có 10 ha,

thu nhập bình quân 1 hộ sẽ khoảng gần 600 triệu/hộ.

3.1.5. Đánh giá chung về sản xuất điều tại Bình Phước

Giống như nhiều hàng hóa nông sản khác, trong quá trình sản xuất, nông dân trồng điều gặp khá nhiều rủi ro, chẳng hạn như sự thay đổi bất thường của thời tiết (nắng hạn, mưa trái vụ, sương muối, lốc xoáy...), sâu bệnh hại, chất lượng giống, phân thuốc không đảm bảo, áp dụng kỹ thuật không phù hợp... Bên cạnh những rủi ro trong sản xuất, thì việc tiêu thụ sản phẩm cũng gặp khó khăn, nhất là khi giá bán thấp. Trong những rủi ro thường gặp đối với người trồng điều, thì tình hình sâu hại vườn điều khá phổ biến, có tới gần 50,0% số hộ gặp phải với mức độ thiệt hại có thể gần 22,0%, trong khi tỷ lệ bị bệnh hại thấp hơn, khoảng 26,60% với mức thiệt hại cũng thấp hơn, gần 19,0%; kể đến là những rủi ro do yếu tố thời tiết bất thuận với tỷ lệ hộ gặp biến động từ 24,82-38,30%, theo đó nếu gặp sương muối thì mức độ thiệt hại có thể tới 38,14%, kể đến là mưa trái vụ 31,42% và nắng hạn kéo dài là 27,65%; tỷ lệ hộ gặp lốc xoáy không nhiều, nhưng nếu gặp thì mức độ thiệt hại có thể khá cao, trên 45,0%; chất lượng phân và thuốc BVTV không đảm bảo cũng ảnh hưởng đáng kể đối với người trồng điều, với 12,41% số hộ và mức độ thiệt hại là 26,43%; và một vài rủi ro khác có thể gặp trong quá trình sản xuất như chất lượng giống không đảm bảo hay áp dụng kỹ thuật không phù hợp, nhưng với mức độ thiệt hại thấp hơn; giá bán thấp cũng là trở ngại lớn đối với người trồng điều, có tới 37,23% số hộ gặp phải với mức độ ảnh hưởng gần 21,0%. Bên cạnh những rủi ro trên, thì tình hình an ninh ở vùng trồng điều cũng đáng chú ý, có tới 7,5% số hộ gặp phải với mức thiệt hại hơn 10%, và vườn điều trồng xa nơi ở của hộ cũng có thể là nguyên nhân đưa đến tình trạng mất trộm điều.

Theo số liệu điều tra các hộ nông dân sản xuất điều đánh giá về chính sách hỗ trợ của Nhà nước và tỉnh Bình Phước trong hỗ trợ phát triển sản xuất điều cho thấy chỉ có khoảng trên 50% số hộ biết đến các chính sách hỗ trợ của Nhà

nước, tỉnh Bình Phước về phát triển điều. Trong khi đó chỉ có khoảng trên 40% số hộ nhận thức được rằng họ đang hưởng lợi trực tiếp từ các chính sách hỗ trợ phát triển điều. Tương tự như vậy, chỉ có 35% số hộ đánh giá là các chính sách hiện nay là thiết thực cho người dân phát triển sản xuất điều.

Theo số liệu khảo sát các chuyên gia, nhà quản lý về quy hoạch sản xuất điều của tỉnh Bình Phước với các khía cạnh mức độ chi tiết, chất lượng, mức độ triển khai và tác động của các quy hoạch theo thang điểm 10 cho thấy các khía cạnh đánh giá đều được trên mức trung bình. Mức độ chi tiết của quy hoạch cao nhất trong các khía cạnh với 6,56 điểm, tác động của các quy hoạch thấp nhất trong các khía cạnh với 5,68 điểm, chất lượng quy hoạch và mức độ triển khai các quy hoạch được lần lượt là 5,89 và 6,25 điểm.

3.2. Giải pháp phát triển bền vững sản xuất điều tại Bình Phước

3.2.1. Nhóm giải pháp về quy hoạch

Muốn phát triển điều một cách bền vững cần có chiến lược phát triển ổn định, nếu làm theo phong trào, tự phát, đặc biệt là chạy theo giá nông sản sẽ đưa đến thiệt hại lớn không chỉ cho người sản xuất, mà cả nền kinh tế của địa phương và đất nước.

Hơn 10 năm trở lại đây, do có nhu cầu thị trường nên sản xuất kinh doanh điều đã có bước phát triển rõ rệt và trở thành ngành hàng chiến lược quốc gia và địa phương, đóng góp lớn cho kim ngạch xuất khẩu. Đồng thời với quá trình phát triển này, là sự chuyển biến nhận thức của người nông dân từ thói quen canh tác quảng canh, đầu tư thấp chuyển sang đầu tư thâm canh trên diện rộng, đặc biệt là bón phân và phòng trị sâu bệnh hại. Tuy nhiên, do phần lớn diện tích đất trồng điều là đất xấu, khả năng tuổi hạn chế (chủ yếu dựa vào nước trời) và đặc biệt khá xa so với nơi ở của hộ, nên gặp nhiều khó khăn trong đầu tư thâm canh, quản lý, chăm sóc vườn điều và tiêu thụ sản phẩm. Do vậy, cần quan tâm đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng cho vùng nguyên liệu, đặc biệt là hệ thống

giao thông, mạng lưới điện, hệ thống thông tin viễn thông... nhằm thúc đẩy phát triển sản xuất.

Nếu có chiến lược phát triển ổn định, người nông dân cũng yên tâm hơn trong đầu tư phát triển sản xuất theo hướng chuyên canh, quy mô lớn, tránh được tình trạng đầu tư phát triển nông nghiệp theo hướng dàn trải, đa dạng, manh mún, nhỏ lẻ, qua đó giảm bớt được rủi ro trong sản xuất kinh doanh do biến động giá cả, thị trường. Trên cơ sở sản xuất theo hướng chuyên canh, thì việc tổ chức sản xuất, phát triển vùng nguyên liệu, tổ chức tiêu thụ sản phẩm cũng thuận lợi hơn, tạo được khối lượng sản phẩm lớn có chất lượng, đáp ứng nhu cầu thị trường và khách hàng.

3.2.2. Nhóm giải pháp thúc đẩy liên kết trong sản xuất và tiêu thụ điều

Khuyến khích các hình thức liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm thông qua hợp đồng - tức sản xuất theo đơn đặt hàng của khách hàng (doanh nghiệp). Thông qua các hình thức liên kết này để các bên cùng nhau chia sẻ quyền lợi, trách nhiệm, đặc biệt là phân chia lợi nhuận được công khai, minh bạch và công bằng hơn, trong đó doanh nghiệp thể hiện vai trò chủ đạo trong việc định hướng sản phẩm và nhu cầu thị trường, điều phối và dẫn dắt các tác nhân tham gia chuỗi nhằm đáp ứng nhu cầu khách hàng và thị trường.

Đối với nông dân: Khuyến khích phát triển các hình thức hợp tác, liên kết trong sản xuất để tạo vùng nguyên liệu tập trung, thuận lợi cho việc áp dụng TBKT trong sản xuất và phát triển dịch vụ; hỗ trợ việc hình thành, đi vào hoạt động các tổ nhóm nông dân ở những nơi có nhu cầu để đảm bảo sự đồng thuận và hoạt động có hiệu quả. Trong đó, nòng cốt phải là HTX với tư cách pháp nhân có thể chủ động liên kết với các doanh nghiệp trong vùng, tổ chức, phát triển các hoạt động dịch vụ phục vụ nhu cầu sản xuất và tiêu thụ sản phẩm cho các thành viên.

3.2.3. Nhóm giải pháp kỹ thuật sản xuất điều

Tuân thủ nghiêm ngặt việc áp dụng các quy trình kỹ thuật đã được khuyến cáo trong sản xuất, bao gồm quy trình thâm canh, quy trình

tái canh, ghép cải tạo, quy trình kỹ thuật trồng xen trong vườn điều.

Tăng cường công tác khuyến nông, thông tin truyền thông, đào tạo, huấn luyện giúp nông dân thay đổi thói quen canh tác quảng canh, chuyển sang đầu tư thâm canh, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất phù hợp với điều kiện canh tác; đẩy mạnh ứng dụng quy trình VietGAP, có chứng nhận, có chỉ dẫn xuất xứ... để có sản phẩm sạch, chất lượng đạt tiêu chuẩn xuất khẩu.

3.2.4. Nhóm giải pháp cải thiện hệ thống thủy lợi, canh tác đối với từng loại đất

Cần xác định rõ diện tích trồng điều trong điều kiện có tưới và diện tích trồng điều phụ thuộc nước trời (không có khả năng tưới) làm cơ sở cho việc đầu tư xây dựng vùng sản xuất điều thâm canh (trong điều kiện có tưới). Trong mỗi điều kiện canh tác (có tưới và không tưới), tiến hành phân loại chất lượng vườn điều và xây dựng kế hoạch thúc đẩy sản xuất phù hợp với điều kiện đầu tư thâm canh, cải tạo hoặc tái canh vườn điều bằng giống mới.

Theo đánh giá (Sở NN&PTNT, 2015), đã có khoảng 30.000 ha điều được trồng mới hoặc tái canh bằng giống mới, chiếm trên 20% diện tích điều của tỉnh - đây có thể coi là vùng sản xuất điều thâm canh; phần diện tích còn lại chủ yếu được trồng bằng hạt (gần 80%) - đây có thể coi là vùng canh tác điều có điều kiện bất thuận như đất xấu, đất dốc, không có khả năng tưới (phụ thuộc nước trời).

- Đối với diện tích điều thâm canh, phải áp dụng nhanh và đồng bộ tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất để năng suất trung bình có thể đạt 3,0 tấn/ha, sản lượng đạt 60.000 tấn vào năm 2020; và năng suất trung bình đạt 3,5 tấn/ha, sản lượng đạt 105.000 tấn vào năm 2030. Trong thời gian này, nếu diện tích thâm canh tiếp tục được mở rộng thì áp lực về năng suất và sản lượng sẽ giảm bớt đối với vùng khó khăn. Đây là vùng có điều kiện thuận lợi hơn như đất tốt, tương đối bằng, gần mạng lưới điện, có khả năng tưới hoặc gần nguồn nước tưới, có thể áp dụng giống mới và tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất,... cần đầu tư theo hướng tập trung, đồng bộ và khép kín từ

xây dựng vùng nguyên liệu, tổ chức chuyển giao kỹ thuật, công nghệ và các dịch vụ hỗ trợ phát triển sản xuất, thu mua, chế biến, bảo quản và tiêu thụ sản phẩm. Tiến hành củng cố, nâng cấp, hoặc xây dựng mới cơ sở hạ tầng hiệp đầu tư vào vùng nguyên liệu, gắn kết sản xuất với tiêu thụ sản phẩm, thúc đẩy phát triển sản xuất theo hướng bền vững.

- Đối với diện tích điều vùng khó khăn - không có khả năng tưới, hiện mức đầu tư còn thấp so với khuyến cáo, cần phổ biến quy trình kỹ thuật phù hợp và áp dụng trên diện rộng để nâng năng suất trung bình đạt 2,0 tấn/ha, sản lượng đạt 215.400 tấn vào năm 2020, và năng suất trung bình 2,2 tấn/ha, sản lượng đạt gần 237.000 tấn vào năm 2030. Đối với vùng khó khăn, nếu việc đầu tư thâm canh có hiệu quả, giúp gia tăng năng suất và hiệu quả sản xuất sẽ đóng góp lớn đối với gia tăng sản lượng.

Đối với vùng này, do trồng điều trong những điều kiện bất thuận như đất xấu, đất dốc, không có khả năng tưới (phụ thuộc nước trời)... nên khả năng đầu tư thâm canh rất hạn chế, năng suất thường thấp. Tuy nhiên, trong những điều kiện như vậy, cây điều ít phải cạnh tranh với cây trồng khác, do đó có thể phát triển sản xuất theo phương thức nông lâm kết hợp hoặc nuôi trồng xen trong vườn điều để hướng tới cả mục đích kinh tế và bảo vệ môi trường.

- Đối với diện tích phải trồng tái canh (trồng mới), tập trung vào diện tích điều già cỗi, nhiễm sâu bệnh và giống không đạt yêu cầu. Đối với những vườn điều được cho là già cỗi, cần phải cân nhắc kỹ khi thực hiện tái canh, bởi vì đối với cây điều, hơn 20 năm tuổi chưa phải là già, có thể do không được đầu tư chăm sóc nên cây trở nên cằn cỗi. Trong những trường hợp như vậy, khả năng chống chịu của cây khá tốt, nhất là trồng trong những điều kiện tự nhiên bất thuận như đất xấu, khô hạn (do không có khả năng tưới), mưa gió lớn hoặc lốc xoáy...

- Đối với diện tích phải trồng dặm hoặc ghép cải tạo, thực tế diện tích này có thể lớn hơn, nguyên nhân chủ yếu do việc áp dụng kỹ thuật cắt tỉa cành tạo tán không phù hợp trong suốt quá trình canh tác nhiều năm liền, đã tạo bộ tán cây khá cao và rộng, chiếm nhiều diện

tích, làm giảm mật độ cây trên đơn vị diện tích, khó khăn trong việc áp dụng kỹ thuật, nhất là khâu kiểm soát tình hình sâu bệnh hại và phòng trừ hiệu quả, do đó làm giảm năng suất cũng như chất lượng sản phẩm (do vị trí quả chủ yếu ở phần ngọn cây nên kích thước thường nhỏ hơn).

- Đối với các hình thức trồng xen trong vườn điều - tùy thuộc vào điều kiện canh tác cụ thể và nhu cầu thị trường để lựa chọn cây trồng xen phù hợp, trong đó nên quan tâm và ưu tiên đối với những cây có tiềm năng như cà phê, ca cao và hồ tiêu, và chỉ trồng xen trong điều kiện canh tác có tưới do yêu cầu thâm canh của các cây trồng xen. Đối với cà phê trồng xen trong vườn điều, đây là mô hình khá hiệu quả và cải thiện đáng kể thu nhập cho người nông dân, cần khảo sát, đánh giá, tổng kết, hoàn thiện quy trình và khuyến cáo nhân rộng ở những nơi có điều kiện tương tự. Đối với trồng xen ca cao trong vườn điều - đây là cây trồng tương đối mới, yêu cầu thâm canh cao, khá miễn cảm với sâu bệnh hại, nhất là ở vùng nhiệt đới, cần xác định rõ khả năng thích nghi, tính chống chịu với sâu bệnh hại và điều kiện bất thuận, và các biện pháp kỹ thuật phù hợp để khuyến cáo áp dụng; đối với trồng xen hồ tiêu trong vườn điều - đây là mô hình mới, chưa định hình về kỹ thuật, cần tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện quy trình và nhân rộng.

4. KẾT LUẬN

Trong 5 năm gần đây, diện tích và sản lượng điều trên địa bàn tỉnh Bình Phước có xu hướng chững và giảm nhẹ. Các vườn điều chủ yếu đã được trồng lâu năm từ những năm 80, 90 của thế kỷ trước. Giống điều chủ yếu là các giống cũ được trồng bằng hạt chỉ có khoảng 5% diện tích trồng điều mới được trồng bằng các giống điều ghép có năng suất cao hơn. Bình quân các hộ có khoảng trên 7 ha. Mỗi năm hộ thu nhập được khoảng gần 50 triệu đồng/ha điều. Các vấn đề đặt ra đối với phát triển sản xuất điều ở Bình Phước như kỹ thuật chăm sóc điều, điều kiện cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất, sự liên kết các tác nhân trong chuỗi giá trị sản xuất điều, phát triển các hình thức tổ chức sản xuất cần được giải quyết cấp bách trong thời

gian tới. Để phát triển điều bền vững tại Bình Phước cần chú trọng vào các nhóm giải pháp về quy hoạch, nhóm giải pháp thúc đẩy liên kết trong sản xuất và tiêu thụ điều, nhóm giải pháp kỹ thuật sản xuất điều, nhóm giải pháp hoàn thiện hệ thống thủy lợi và canh tác.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Cục Thống kê tỉnh Bình Phước (2012). Niên giám thống kê tỉnh Bình Phước năm 2011.

Ken Black (2004). *Business Statistics for Contemporary Decision Making* (Fourth (Wiley Student Edition for India) ed.). Wiley-India. ISBN 978-81-265-0809-9.

Nguyễn Mạnh Chính & Nguyễn Đăng Nghĩa (2007). Trồng - Chăm sóc & phòng trừ sâu bệnh cây điều.

Nhà xuất bản Nông nghiệp, thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyễn Văn Hòa & Nguyễn Như Hiền (2014). Đẻ cây điều Việt Nam phát triển bền vững. Tạp chí Công sản. Truy cập từ <http://www.tapchicongsan.org.vn/Home/PrintStory.aspx?distribution=27500&print=true>, ngày 28/9/2015.

Sở NN&PTNT tỉnh Bình Phước (2015). Báo cáo tổng kết ngành điều Bình Phước năm 2015.

Thanh Thảo (2015). Nâng cao hiệu quả kinh tế của cây điều. Tạp chí Vietnam Business Forum truy cập từ <http://vccinews.vn/news/13494/nang-cao-hieu-qua-kinh-te-cua-cay-dieu.html>, ngày 22/7/2019.

Tổng cục Thống kê (2012). Niên giám thống kê 2011. Nhà xuất bản Thống kê.

UBND tỉnh Bình Phước (2009). Đòi đòi từ cây điều, Bài đăng trên cổng thông tin điện tử tỉnh Bình Phước. Truy cập từ <http://www.binhphuoc.gov.vn/3cms/doi-doi-tu-cay-dieu.htm>, ngày 8/9/2015.